

Ngày soạn	20/3/2024	20/3/2024	20/3/2024	20/3/2024
Lớp	9A	9B	9C	9D
Tiết	4	3	5	5
Ngày dạy	05/4/2024	09/4/2024	11/4/2024	05/4/2024
ĐCBS				

**Tiết 48**

**Bài 41: ĐỊA LÍ THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**

Thời gian thực hiện: 1 tiết

**I. MỤC TIÊU:**

1. Về kiến thức: - Xác định được vị trí của tỉnh nằm trong vùng kinh tế nào? Ý nghĩa của vị trí địa lí đối với quá trình phát triển kinh tế xã hội của địa phương.

- Hiểu & trình bày được đặc điểm kinh tế tự nhiên & tài nguyên thiên nhiên. Những thuận lợi & khó khăn để phát triển kinh tế-xã hội, đồng thời có những giải pháp để khắc phục khó khăn.

**2. Năng lực:**

Năng lực chung: Giao tiếp, hợp tác, sử dụng ngôn ngữ, tính toán, giải quyết vấn đề.

Năng lực địa lí: Sử dụng Bản đồ tự nhiên, hành chính Hải Phòng, Việt Nam

- Có kĩ năng phân tích, so sánh các mối quan hệ địa lí, kĩ năng vẽ biểu đồ, phân tích biểu đồ.

**3. Phẩm chất**

- Giáo dục ý thức học tập thường xuyên., tình yêu quê hương.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

1. *Giáo viên*:- Bản đồ tự nhiên, hành chính Hải Phòng, Việt Nam.

- Át lát địa lí Việt Nam, phiếu học tập.

2. *Học sinh*: - Sách tài liệu địa lý địa phương.

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**1. Hoạt động 1: Mở đầu (3 phút)**

a) *Mục đích*: Tạo sự phấn khởi trước khi bước vào bài học mới.

b) *Nội dung*: Học sinh dựa vào kiến thức đã học và hiểu biết của mình để trả lời câu hỏi.

c) *Sản phẩm*: Học sinh trả lời được các câu hỏi của giáo viên.

d) *Tổ chức thực hiện*:

- **Bước 1**: Giao nhiệm vụ

Đặt tình huống: Trong một lớp học. Giáo viên chia diện tích lớp làm 2 tỉnh. Yêu cầu khoảng 28HS đưa về bên trái. 2HS đứng về bên phải.

+ Yêu cầu HS tính nhanh mỗi khu vực chiếm bao nhiêu % số HS trong lớp và bao nhiêu % diện tích lớp.

+ Sự chênh lệch dt ở việc phân chia của GV là gì?

**Bước 2**: Hs thực hiện nhiệm vụ.

**Bước 3**: Hs trình bày, Hs khác nhận xét bổ sung.

**Bước 4:** Gv dẫn dắt vào bài. GV nhận xét và khéo léo dẫn dắt vào bài: *Như vậy, các em thấy rõ ràng diện tích của HP lớn hơn... . Để tìm hiểu sâu hơn về vấn đề này thì các em sẽ cùng đi vào bài học hôm nay.*

**2. Hoạt động 2: Hình thành kiến thức mới (35 phút)**

**2.1. Tìm hiểu về vị trí, giới hạn lãnh thổ (10 phút)**

a) *Mục đích:*- Xác định được trên bản đồ vị trí địa lí và giới hạn lãnh thổ của HP. Nêu được ý nghĩa của VTĐL đối với việc phát triển KT-XH.

b) *Nội dung:*HS dựa vào nội dung sách giáo khoa và khai thác lược đồ tự nhiên HP để hoàn thành bảng thông tin.

**\*Nội dung chính:**

**I. Vị trí địa lí và giới hạn lãnh thổ**

**- VỊ TRÍ ĐỊA LÍ, PHẠM VI LÃNH THỔ VÀ SỰ PHÂN CHIA HÀNH CHÍNH 20'**

**1. Vị trí và lãnh thổ.**

S:1515 km<sup>2</sup> đứng thứ 55/63 tỉnh.

Cực B: 21.01' 5''B: Phi Liệt, Lại Xuân- Thủy Nguyên

-Cực N:20.30'39''B: Quán Khái, Vĩnh Phong- Vĩnh Bảo

- Cực T:106.23'39'' Hiệp Hoà- VBảo

Cực Đ:107.08'39'' : Vịnh Lan Hạ- Cát Bà.

Tiếp giáp: B: Quảng Ninh, T: Hải Dương, N: Thái Bình, Đ: Biển Đông

**2. Sự phân chia hành chính**

- Với 15 đơn vị hành chính, trong đó có 7 quận, 8 huyện.

- 7 quận: Lê Chân, Ngô Quyền, Hồng Bàng, Kiến An, Hải An, Dương Kinh, Đồ Sơn

-8 huyện: An Lão, Thủy Nguyên, An Dương, Vĩnh Bảo, Tiên Lãng, Cát Hải, Bạch Long Vĩ, Kiến Thụy.

c) *Sản phẩm:*Hoàn thành bảng thông tin.

Tiêu chí	Thông tin thành phố Hải Phòng
Diện tích vùng	S:1515 km <sup>2</sup> đứng thứ 55/63 tỉnh.
Vị trí	Cực B: 21.01' 5''B: Phi Liệt, Lại Xuân- Thủy Nguyên -Cực N:20.30'39''B: Quán Khái, Vĩnh Phong- VBảo - Cực T:106.23'39'' Hiệp Hoà- VBảo Cực Đ:107.08'39'' : Vịnh Lan Hạ- Cát Bà.
Tiếp giáp	B: Quảng Ninh, T: Hải Dương, N: Thái Bình, Đ: Biển Đông
Gồm các quận, huyện	Gồm 7 quận, 8 huyện: Lê Chân, Ngô Quyền, Hồng Bàng, Kiến An, Hải An, Dương Kinh, Đồ Sơn và các huyện An Lão, Thủy Nguyên, An Dương, Vĩnh Bảo, Tiên Lãng, Cát Hải, Bạch Long Vĩ, Kiến Thụy.

d) *Cách thực hiện:*

Hoạt động của GV và HS		Nội dung cần đạt
<b>Bước 1:</b> GV yêu cầu hs đọc thông tin, kết hợp quan sát hình 23.1 trả lời các câu hỏi:		<b>1. Vị trí và lãnh thổ.</b> S:1515 km <sup>2</sup> đứng thứ 55/63 tỉnh. - Tiếp giáp: B: Quảng Ninh, T: Hải Dương, N: Thái Bình, Đ: Biển Đông <b>2. Sự phân chia hành chính</b> - Với 15 đơn vị hành chính, trong đó có 7 quận, 8 huyện.
Tiêu chí	Thông tin thành phố Hải Phòng	
Diện tích vùng		
Vị trí		

Tiếp giáp các vùng		- 7 quận: Lê Chân, Ngô Quyền, Hồng Bàng, Kiến An, Hải An, Dương Kinh, Đồ Sơn - 8 huyện: An Lão, Thủy Nguyên, An Dương, Vĩnh Bảo, Tiên Lãng, Cát Hải, Bạch Long Vĩ, Kiến Thụy.
Gồm các quận, huyện		
Ý nghĩa của vị trí		

**Bước 2:** HS thực hiện nhiệm vụ, ghi kết quả ra giấy nháp; GV quan sát, theo dõi, gợi ý, đánh giá thái độ học tập của HS

**Bước 3:** Đại diện HS lên bảng xác định và trình bày kết quả; các HS khác nhận xét, bổ sung.

**Bước 4:** GV nhận xét, bổ sung và chuẩn kiến thức.

**2.2. Điều kiện tự nhiên và tài nguyên thiên nhiên (20 phút)**

*a) Mục đích:*

- Trình bày được đặc điểm cơ bản về tự nhiên và tài nguyên thiên nhiên của vùng.
- Phân tích được những thuận lợi và khó khăn do tự nhiên mang lại.

*b) Nội dung:*

- Học sinh tìm hiểu kiến thức trong SGK và quan sát lược đồ để trả lời các câu hỏi.

**\*Nội dung chính:**

**II. Điều kiện tự nhiên và tài nguyên thiên nhiên**

**1. Địa hình.**

- Tương đối bằng phẳng, chỉ có 5-10% là đồi núi: T. Ng, An Lão, Kiến An, Đồ Sơn
- Mặt bằng sản xuất thuận lợi

**2. Khí hậu**

- Nhiệt đới gió mùa ẩm nđộ 18-22C lượng mưa trung bình 1500mm, độ ẩm 80%, gió mùa ĐB
- Ngành nông nghiệp phát triển mạnh.
- Khó khăn: Lũ, bão

**3. Thủy văn.**

- Hệ thống sông ngòi dày đặc, chế độ nước theo mùa
- Giá trị giao thông, cá, thủy lợi
- Khó khăn: Lũ lụt

**4. Thổ nhưỡng**

- Đất phù sa, feralit, phen mận bình quân đất 1/5 bình quân đất tự nhiên TQ
- Đất canh tác 1/2 cả nước
- Khó khăn: - Ngành nông nghiệp phát triển mạnh, đất thiếu, bạc màu

**5. Sinh vật.**

- Rừng ngập mặn, rừng thưa, rừng rậm.

**6. Biển đảo.**

- Ngư trường lớn BLVĩ, hải sản phong phú, giá trị 95 km đường bờ biển, thuận lợi nuôi trồng thủy sản, phát triển các ngành kinh tế biển
- Phát triển các ngành kinh tế biển
- Khó khăn: Môi trường biển ô nhiễm, tài nguyên cạn kiệt

*d) Cách thực hiện:*

<b>Hoạt động của GV và HS</b>	<b>Nội dung cần đạt</b>
-------------------------------	-------------------------

<p><b>Bước 1:</b> GV yêu cầu HS đọc thông tin trong SGK, quan sát lược đồ và yêu cầu HS hoàn thành các câu hỏi.</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Cho biết đặc điểm địa hình, khí hậu, thủy văn, sông ngòi, sinh vật, biển và hải đảo của thành phố HP? Đánh giá thuận lợi và khó khăn của điều kiện tự nhiên và tài nguyên thiên nhiên đối với phát triển kinh tế HP?</li> <li>- Xác định các dòng sông của HP?</li> <li>- Các con sông đổ ra biển qua các cửa sông nào?</li> <li>- Nêu một số cảnh đẹp nổi tiếng ?</li> </ul> <p><b>Bước 2:</b> Các HS thực hiện nhiệm vụ, ghi kết quả ra giấy nháp; GV quan sát, theo dõi, gợi ý, đánh giá thái độ học tập của HS. Có thể thảo luận theo nhóm đôi.</p> <p><b>Bước 3:</b> Đại diện một số HS lên bảng ghi kết quả của nhóm; HS khác nhận xét, bổ sung.</p> <p><b>Bước 4:</b> GV nhận xét, bổ sung và chuẩn kiến thức.</p>	<p><b>II. Điều kiện tự nhiên và tài nguyên thiên nhiên</b></p> <p><b>1. Địa hình.</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Tương đối bằng phẳng, chỉ có 5-10% là đồi núi: T. Ng, An Lão, Kiên An, Đồ Sơn</li> <li>- Mặt bằng sản xuất thuận lợi</li> </ul> <p><b>2. Khí hậu</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Nhiệt đới gió mùa ẩm độ 18-22C lượng mưa trung bình 1500mm, độ ẩm 80%, gió mùa ĐB</li> <li>- Ngành nông nghiệp phát triển mạnh.</li> <li>- Khó khăn: Lũ, bão</li> </ul> <p><b>3. Thủy văn.</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Hệ thống sông ngòi dày đặc, chế độ nước theo mùa</li> <li>- Giá trị giao thông, cá, thủy lợi</li> <li>- Khó khăn: Lũ lụt</li> </ul> <p><b>4. Thổ nhưỡng</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Đất phù sa, feralit, phèn mặn bình quân đất 1/5 bình quân đất tự nhiên TQ</li> <li>- Đất canh tác 1/2 cả nước</li> <li>- Khó khăn: - Ngành nông nghiệp phát triển mạnh, đất thiếu, bạc màu</li> </ul> <p><b>5. Sinh vật.</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Rừng ngập mặn, rừng thưa, rừng rậm.</li> </ul> <p><b>6. Biển đảo.</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Ngư trường lớn BLVĩ, hải sản phong phú, giá trị 95 km đường bờ biển, thuận lợi nuôi trồng thủy sản, phát triển các ngành kinh tế biển</li> <li>- Phát triển các ngành kinh tế biển</li> <li>- Khó khăn: Môi trường biển ô nhiễm, tài nguyên cạn kiệt</li> </ul>
--	--

**3. Hoạt động 3: Luyện tập (5 phút)**

a) Mục đích:

- Giúp học sinh củng cố và khắc sâu nội dung kiến thức bài học

b) Nội dung: Vận dụng kiến thức bài học để đưa ra đáp án.

c) Sản phẩm: Đưa ra đáp án.

1 – d ; 2 – a ; 3 – b ; 4 – e ; 5 - c

d) Cách thực hiện:

**Bước 1:** GV cho HS hoạt động theo nhóm 2 bạn chung bàn làm 1 nhóm và nối các câu sau thành câu hợp lý nhất.

<b>A (Vùng kinh tế)</b>	<b>B (Đặc điểm)</b>
1. Trung du và miền núi Bắc Bộ	a. Diện tích đồng bằng lớn, phù sa màu mỡ
2. Đồng bằng sông Hồng	b. Hai di sản thế giới: Phong Nha- Kẻ Bàng, cố đô Huế
3. Bắc Trung Bộ	c. Tài nguyên thiên nhiên phong phú
4. Duyên Hải Nam Trung Bộ	d. Mỏ than có trữ lượng lớn
5. Tây Nguyên	

	e. Bờ biển khúc khuỷu, nhiều vũng vịnh.
--	---

**Bước 2:** HS có 2 phút thảo luận theo nhóm.

**Bước 3:** GV mời đại diện các nhóm trả lời. Đại diện nhóm khác nhận xét.

**Bước 4:** GV chốt lại kiến thức của bài.

**4. Hoạt động 4: Vận dụng (2 phút)**

a) *Mục đích:* Hệ thống lại kiến thức về HP

b) *Nội dung:* Vận dụng kiến thức đã học hoàn thành nhiệm vụ.

c) *Sản phẩm:* Thiết kế một sản phẩm.

d) *Cách thực hiện:*

**Bước 1:** GV giao nhiệm vụ: Tìm kiếm thông tin về những nét văn hóa của người dân HP

**Bước 2:** HS suy nghĩ trả lời

**Bước 3:** HS hỏi và đáp ngắn gọn.

**Bước 4:** GV dặn dò HS tự làm ở nhà tiết sau nhận xét.

.....